TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH THỦY** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST.
Ngày 30 tháng 9 năm 2022
V/v tranh chấp "Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Phạm Thị Hồng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đinh Văn Hạnh**

Ông **Đoàn Hồng Canh**

- Thư ký phiên toà: Ông **Lê Anh Xuân Ngọc**, là Thư ký Toà án của Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà **Trần Hồng Hạnh** - Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2022. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Tạ Hồng D**, sinh năm 1982; địa chỉ: Đại đội 1, Tiểu đoàn 18, Sư đoàn 316, Quân khu 2, thôn P, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. (có mặt).

- *Bị đơn*: Chị **Bùi Thị T**, sinh năm 1964; địa chỉ: Khu P, thị trấn T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo - Nguyên đơn là anh Tạ Hồng D trình bày***:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị T tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 19/01/2018, đăng ký tại UBND thị trấn Thanh Thủy, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống tại nhà của chị T. Tình cảm vợ chồng bước đầu hòa thuận. Đến ngày 04/4/2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau. Kể từ ngày 15/5/2022 đến nay vợ chồng chấm dứt quan hệ với nhau và sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

- Về con chung: Anh và chị T không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Anh không yêu cầu giải quyết.

**** Tại bản tự khai và lời khai tiếp theo bị đơn là chị Bùi Thị T trình bày***:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T xác định việc kết hôn đúng như anh D đã trình bày trên. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sinh sống với nhau tại nhà riêng của chị T ở khu Phố, thị trấn Thanh Thủy, huyện Thanh Thủy. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian gần đây anh D có quan hệ trai gái bên ngoài nên bỏ bê gia đình không quan tâm đến chị. Nay anh D đề nghị ly hôn thì chị không đồng ý vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chị vẫn còn thương yêu chồng, kể từ khi kết hôn đến nay chị vẫn quan tâm công việc nhà chồng, vẫn chu cấp tiền cho gia đình và con riêng của anh D. Ngoài lý do trên thì vào thời điểm kết hôn, anh D nợ nần rất nhiều, chị đã trả nợ cho anh D, chị đã đứng ra bảo lãnh để anh D vay tiền của con gái chị là Nguyễn Thị Thu Hương, đến nay anh D vẫn nợ con gái chị số tiền 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*). Chị yêu cầu anh D phải có trách nhiệm trả lại cho con gái chị số tiền trên trước khi giải quyết việc ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh D không có con chung.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Chị xác định không có.

- Về công sức đóng góp: Chị không yêu cầu giải quyết.

** Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thuỷ tại phiên tòa (Có bài phát biểu lưu trong hồ sơ):*

** Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành các quy định của pháp luật.*

** Về nội dung vụ án**:** Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh D: Xử cho anh D được ly hôn chị T; Về con chung: Anh D và chị T đều xác định không có con chung; Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này;*

Về án phí: Anh D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên toà hôm nay. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án anh D đã có đơn đề nghị không hòa giải, do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành Hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

[1] Xét về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị T kết hôn vào năm 2018, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Thanh Thủy, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đây là một hôn nhân hợp pháp. Anh D xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn từ tháng 4/2022, vợ chồng đã ly thân từ ngày 15/5/2022 cho đến nay, tình cảm không còn, anh đề nghị được ly hôn; chị T xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chị không đồng ý ly hôn vì còn thương yêu anh D.

Xét thấy kể từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn chị T và anh D không có biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, hai bên đã cắt đứt quan hệ tình cảm, sống ly thân được thời gian đã lâu. Tháng 4/2022 anh D đã đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nhưng sau đó rút đơn để về đoàn tụ nhưng không thành. Trong quá trình giải quyết Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân của chị T và anh D được UBND thị trấn Thanh Thủy cho biết vợ chồng chị Thủy và anh D trong quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp trong cuộc sống, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, hiện nay anh D đã rời khỏi địa phương không còn chung sống với chị T nữa. Do vậy HĐXX thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của anh D, xử cho anh D được ly hôn chị T là phù hợp. Việc chị T không đồng ý ly hôn vì còn thương yêu anh D nhưng chị không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh D và chị T đều xác định không có con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

[4] Đối với yêu cầu của chị T về việc anh D còn nợ con gái chị là Nguyễn Thị Thu Hương số tiền 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*). Chị yêu cầu anh D phải có trách nhiệm trả lại cho con gái chị số tiền trên trước khi giải quyết việc ly hôn. Quan điểm của anh D xác định việc anh có vay tiền của con gái chị T là Nguyễn Thị Thu H hay không là quan hệ giữa anh và chị H, không liên quan đến vụ án này; anh D yêu cầu Tòa án không xem xét giải quyết.

Xét thấy đây là quan hệ pháp luật khác không liên quan đến việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" giữa anh D và chị T. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Quyền kháng cáo: Các bên được quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ Khoản 4 Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

* Áp dụng: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

* Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tạ Hồng D;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Tạ Hồng D được ly hôn chị Bùi Thị T.

2. Về con chung: Anh D và chị T đều xác định không có con chung.

3. Về tài sản chung, về nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này do không có yêu cầu.

4. Về án phí: Anh D phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2020/0006003 ngày 24/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thuỷ, tỉnh Phú Thọ.

5. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo Bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phạm Thị Hồng